

Phương pháp tính chỉ số tham chiếu VND VNIBOR

Kỳ hạn: Kỳ hạn dự báo qua đêm, một tuần, hai tuần, một tháng và ba tháng cùng với lãi suất bình quân lũy kế qua đêm VND VNIBOR và chỉ số gộp

Ngày hiệu lực: Ngày 03 tháng 11 năm 2025

Ngày rà soát cuối cùng: Ngày 03 tháng 11 năm 2025

Phân loại tài liệu: Công khai

Phương pháp này sẽ chỉ có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2025.



Nội dung

Phần 1 Giới thiệu	3
Phần 2 Trách nhiệm quản lý	5
Phần 3 Chính sách của FTSE Russell	7
Phần 4 Dữ liệu đầu vào	9
Phần 5 Xác định chỉ số tham chiếu	11
Phần 6 Công bố	14
Phần 7 Thông tin khác	15
Phần 8 Định nghĩa các thuật ngữ chính	16

Phần 1

Giới thiệu

1. Giới thiệu

1.1 Tổng quan

- 1.1.1 Tài liệu này quy định Phương pháp tính chỉ số tham chiếu VND VNIBOR (“Chỉ số tham chiếu”), bao gồm các kỳ hạn dự báo qua đêm, một tuần, hai tuần, một tháng và ba tháng cũng như lãi suất bình quân lũy kế qua đêm VND VNIBOR và chỉ số gộp. Tài liệu này được công bố trên trang web LSEG¹ và được cung cấp theo yêu cầu. Chỉ số tham chiếu VND VNIBOR là hệ thống tách biệt với Lãi suất tham chiếu VND VNIBOR, áp dụng cho các kỳ hạn 2 tháng, 6 tháng, 9 tháng và 12 tháng, đồng thời có Phương pháp tính riêng¹. Lãi suất tham chiếu VND VNIBOR không được quản lý theo quy định chỉ số tham chiếu của Vương quốc Anh hoặc Liên minh Châu Âu.
- 1.1.2 Mục đích của chỉ số tham chiếu VND VNIBOR là đại diện cho các mức lãi suất trên thị trường tiền gửi bằng Đồng Việt Nam (VND) của các ngân hàng Việt Nam hoạt động trên thị trường tiền tệ Việt Nam theo các kỳ hạn dự báo tương ứng.
- 1.1.3 Vào tháng 4 năm 2024, FTSE Russell đã công bố một tài liệu tham vấn¹, trong đó đề xuất những thay đổi đối với phương pháp tính chỉ số tham chiếu VND VNIBOR và thu thập phản hồi từ các bên liên quan. Vào tháng 4 năm 2025, FTSE Russell đã công bố một bản công bố kết quả¹, thông báo về những thay đổi đối với phương pháp tính. Các thay đổi này đã được triển khai vào ngày 03 tháng 11 năm 2025 và tài liệu này nêu rõ Phương pháp đã cập nhật để thực hiện những thay đổi được mô tả trong công bố kết quả.

1.2 Mô tả về chỉ số tham chiếu

- 1.2.1 Chỉ số tham chiếu VND VNIBOR bao gồm (i) năm kỳ hạn dự báo: qua đêm (O/N), một tuần (S/W), 2 tuần, 1 tháng và 3 tháng, (ii) chỉ số tổng lợi nhuận gộp trả sau (Chỉ số gộp) và (iii) lãi suất bình quân lũy kế trả sau (Bình quân lũy kế) với các kỳ hạn: 1 tháng, 2 tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và 12 tháng.
- 1.2.2 Các kỳ hạn dự báo của Chỉ số tham chiếu được tính toán bằng phương pháp thác nước bao gồm hai cấp độ (“Cấp 1” và “Cấp 2”). Nếu một kỳ hạn VND VNIBOR không đáp ứng ngưỡng công bố theo Cấp 1 hoặc Cấp 2, thì chỉ số của ngày liền trước cho kỳ hạn đó sẽ được công bố lại kèm theo cờ báo hiệu rằng đó là dữ liệu tái công bố.
- 1.2.3 Dữ liệu đầu vào để tính Cấp 1 theo phương pháp thác nước bao gồm các giao dịch tiền gửi VND được lấy từ LSEG Conversational Dealing và mọi nền tảng kế nhiệm (bao gồm cả LSEG Advanced Dealing).
- 1.2.4 Dữ liệu đầu vào để tính Cấp 2 theo phương pháp thác nước bao gồm các báo giá chào mua – chào bán tiền gửi VND do các ngân hàng đang hoạt động trên thị trường tiền gửi VND công bố trong ngày xác định chỉ số tham chiếu.

¹ www.lseg.com/en/ftse-russell/benchmarks/vietnamese-interest-rate-benchmarks

- 1.2.5 Dữ liệu đầu vào để tính Chỉ số gộp và Bình quân lũy kế bao gồm giá trị hiện tại và giá trị cũ của kỳ hạn O/N thuộc VND VNIBOR.
- 1.2.6 Chỉ số tham chiếu VND VNIBOR được công bố vào khoảng 15:30 VNT vào tất cả các Ngày làm việc.
- 1.2.7 Chỉ số tham chiếu VND VNIBOR được tính cho Cấp 1 là trung vị của các giao dịch tiền gửi VND đủ điều kiện. Chỉ số tham chiếu VND VNIBOR được tính cho Cấp 2 là trung vị của mức lãi suất trung bình đủ điều kiện từ các báo giá chào mua – chào bán tiền gửi VND.
- 1.3 Định nghĩa Chỉ số tham chiếu**
 - 1.3.1 Chỉ số tham chiếu VND VNIBOR là chỉ số mang tính đại diện cho lãi suất mà các ngân hàng cho vay và vay lẫn nhau bằng Đồng Việt Nam, được neo giữ trong các giao dịch thị trường tiền tệ ở mức độ có thể. Phương pháp thác nước được sử dụng để cho phép công bố lãi suất trong nhiều điều kiện thị trường khác nhau.
- 1.4 Các yếu tố ESG**
 - 1.4.1 Chỉ số tham chiếu VND VNIBOR không xét đến các yếu tố ESG trong quá trình thiết kế chỉ số.

Phần 2

Trách nhiệm quản lý

2.1 FTSE International Limited (FTSE)

2.1.1 FTSE là Tổ chức quản lý chỉ số tham chiếu² VND VNIBOR.

2.1.2 Với tư cách là Tổ chức quản lý, FTSE International Limited chịu trách nhiệm thu thập dữ liệu đầu vào, xác định và công bố Chỉ số tham chiếu, đồng thời chịu trách nhiệm về mọi khía cạnh quản trị, giám sát, tuân thủ và đảm bảo tính minh bạch của Chỉ số tham chiếu.

2.2 Ủy ban Giám sát

2.2.1 Ủy ban Giám sát độc lập chịu trách nhiệm giám sát mọi khía cạnh liên quan đến việc cung cấp Chỉ số tham chiếu, bao gồm rà soát Phương pháp tính ít nhất mỗi năm một lần, giám sát mọi thay đổi đối với Phương pháp tính hoặc chấm dứt việc áp dụng Chỉ số tham chiếu, cũng như giám sát khung kiểm soát, quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu của Tổ chức quản lý. Các thành viên của Ủy ban Giám sát được FTSE bổ nhiệm theo các điều khoản đã quy định.

2.3 Quản lý chỉ số tham chiếu

2.3.1 Quản lý chỉ số tham chiếu được Tổ chức quản lý bổ nhiệm tùy từng thời điểm, đây là chuyên gia trong lĩnh vực có trách nhiệm diễn giải Phương pháp tính.

2.4 Phản hồi từ người dùng

2.4.1 FTSE International Limited sẽ định kỳ trao đổi với các bên liên quan để đánh giá tình hình thị trường giao dịch tiền gửi VND theo các kỳ hạn liên quan của Chỉ số tham chiếu, đồng thời đánh giá xem Phương pháp tính hiện tại có còn phù hợp và hiệu quả hay không. Phản hồi này có thể dùng như một phần trong quá trình đánh giá định kỳ Phương pháp tính.

2.5 Xác định các giới hạn tiềm ẩn của chỉ số tham chiếu

2.5.1 Chỉ số tham chiếu phụ thuộc vào việc có sẵn các giao dịch tiền gửi VND lấy từ LSEG Conversational Dealing và mọi nền tảng kế nhiệm (bao gồm cả LSEG Advanced Dealing), cũng như các báo giá chào mua – chào bán tiền gửi VND từ các ngân hàng đang hoạt động trên thị trường tiền gửi VND. Nếu phát hiện hoặc dự đoán có tình trạng hạn chế thanh khoản kéo dài hoặc thị trường bị phân mảnh, Tổ chức quản lý sẽ tham khảo ý kiến của các bên liên quan và Ủy ban Giám sát độc lập.

2.6 Rà soát phương pháp tính và các nhà cung cấp dữ liệu đầu vào

2.6.1 Tổ chức quản lý sẽ tiến hành rà soát Phương pháp tính ít nhất mỗi năm một lần và bất cứ khi nào có thay đổi quan trọng. Ngoài ra, Tổ chức quản lý có thể tùy ý thực hiện rà soát thêm. Rà soát là đánh giá toàn diện về Phương pháp tính và Chỉ số tham chiếu, bao gồm phân tích thị trường cơ sở mà Chỉ số tham chiếu đại

² Xem Phần 8 (Định nghĩa các thuật ngữ chính).

diện, mức độ đầy đủ và sẵn có của các giao dịch và báo giá tiền gửi VND, cũng như xem xét các nền tảng tiềm năng khác.

- 2.6.2 Mục tiêu của việc rà soát là để đảm bảo rằng Chỉ số tham chiếu vẫn phản ánh đúng thị trường cơ sở, dữ liệu đầu vào đại diện đầy đủ cho thị trường cơ sở đó, đồng thời các nguồn hiện tại đang cung cấp dữ liệu đầu vào một cách chính xác và kịp thời.
- 2.6.3 Tổ chức quản lý cũng có thể tùy ý thực hiện rà soát thêm. Những cuộc rà soát bổ sung này có thể diễn ra trong các trường hợp (i) xảy ra các sự kiện ảnh hưởng đến Chỉ số tham chiếu mà Phương pháp tính chưa xử lý một cách tối ưu, (ii) thị trường cơ sở xảy ra biến động, (iii) có thay đổi trong các nguồn dữ liệu đầu vào dùng để xác định Chỉ số tham chiếu và (iv) các bên liên quan nêu ra vấn đề về Chỉ số tham chiếu.
- 2.6.4 Ủy ban Giám sát độc lập sẽ đóng góp ý kiến trong quá trình rà soát và các cuộc rà soát sẽ do Hội đồng Quản trị Chỉ số của FTSE International Limited phê duyệt (xem mục 3.2).
- 2.6.5 Mọi đề xuất sửa đổi quan trọng đối với Phương pháp tính này đều phải tuân theo Chính sách thay đổi phương pháp tính chỉ số tham chiếu của FTSE Russell và phải tham vấn với các ủy ban cố vấn của FTSE Russell cũng như các bên liên quan khác nếu cần. Phản hồi từ quá trình tham vấn sẽ được Hội đồng Quản trị Chỉ số của FTSE Russell xem xét trước khi phê duyệt.
- 2.6.6 Việc kiểm nghiệm lại sẽ được thực hiện ít nhất một lần tại mỗi đợt rà soát Phương pháp tính hằng năm và sau khi có thay đổi quan trọng đối với Phương pháp tính. Phương pháp tính sẽ bao gồm nội dung đánh giá kết quả kiểm nghiệm lại, cũng như các quy trình để đảm bảo nhận diện và xử lý thích hợp những sai lệch mang tính hệ thống đã phát hiện trong quá trình kiểm nghiệm lại.

Phần 3

Chính sách của FTSE Russell

3. Chính sách của FTSE Russell

Nên đọc Phương pháp tính này cùng với các chính sách và tài liệu chính sách sau.

3.1 Chính sách thay đổi phương pháp tính chỉ số tham chiếu

- 3.1.1 Có thể truy cập thông tin chi tiết về chính sách thay đổi phương pháp tính chỉ số tham chiếu của FTSE Russell thông qua liên kết sau:

[Chính sách thay đổi phương pháp tính chỉ số tham chiếu.pdf](#)

3.2 Khung quản trị của FTSE Russell

- 3.2.1 Để giám sát các chỉ số, FTSE Russell áp dụng một khung quản trị bao gồm quản trị sản phẩm, dịch vụ và công nghệ. Khung này tích hợp khung quản lý rủi ro ba tuyến phòng thủ của Tập đoàn Giao dịch Chứng khoán London, đồng thời được thiết kế để đáp ứng các yêu cầu của Nguyên tắc IOSCO dành cho các chỉ số tham chiếu tài chính³, quy định về chỉ số tham chiếu của châu Âu⁴ và quy định về chỉ số tham chiếu của Vương quốc Anh⁵. Có thể truy cập Khung quản trị của FTSE Russell thông qua liên kết sau:

[Khung quản trị của FTSE Russell.pdf](#)

3.3 Chính sách tổ chức của FTSE Russell

- 3.3.1 Chỉ số tham chiếu VND VNIBOR tuân theo các chính sách tổ chức sau của FTSE Russell:

[Tuyên bố ngừng áp dụng bộ chỉ số,](#)

[Quản trị và quản lý xung đột lợi ích trong quản lý chỉ số tham chiếu](#) và

[Chính sách thay đổi phương pháp tính chỉ số tham chiếu.](#)

3.4 Chính sách điều chỉnh

- 3.4.1 Sau khi công bố, nếu phát hiện lỗi nghiêm trọng trong dữ liệu đầu vào hoặc trong quá trình xác định Chỉ số tham chiếu trong vòng một giờ kể từ thời điểm công bố, FTSE sẽ nỗ lực điều chỉnh lại kỳ hạn bị ảnh hưởng do Chỉ số tham chiếu trong thời gian sớm nhất.
- 3.4.2 Lỗi được xem là nghiêm trọng nếu đối với kỳ hạn dự báo, lỗi này dẫn đến thay đổi ± 1 điểm cơ bản so với giá trị công bố sau khi điều chỉnh. Tương tự, lỗi được xem là nghiêm trọng nếu đối với Bình quân lũy kế, lỗi này dẫn đến thay đổi $\pm 0,1$ điểm cơ bản. Lỗi được xem là nghiêm trọng nếu đối với Chỉ số gộp, lỗi này dẫn đến thay đổi $\pm 0,000001$ điểm cơ bản.

³ Báo cáo cuối cùng về Nguyên tắc IOSCO dành cho các chỉ số tham chiếu tài chính, FR07/13/07/2013

⁴ Quy định (EU) 2016/1011 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 8 tháng 6 năm 2016 về các chỉ số dùng để tham chiếu trong các công cụ tài chính và hợp đồng tài chính hoặc để đo lường hiệu quả hoạt động của các quỹ đầu tư

⁵ Quy định về chỉ số tham chiếu (Điều khoản sửa đổi và chuyển tiếp) (Rời khỏi EU) năm 2019

- 3.4.3 Không thực hiện điều chỉnh sau 23:59 VNT vào ngày xác định chỉ số tham chiếu.
- 3.4.4 Những lỗi không đủ điều kiện điều chỉnh trong ngày sẽ được báo cáo hằng quý cho Ủy ban Giám sát độc lập và được đăng tải lên trang web công khai của Tổ chức quản lý.
- 3.5 Khiếu nại, thắc mắc về vận hành và khiếu nại về giá**
- 3.5.1 Có thể truy cập quy trình khiếu nại của FTSE Russell thông qua liên kết sau: [Chính sách xử lý khiếu nại về việc xác định chỉ số tham chiếu của FTSE Russell](#)
- 3.5.2 Khiếu nại về giá là yêu cầu do người dùng hoặc bên liên quan đưa ra để đề nghị kiểm tra và xác minh tính chính xác của một hoặc nhiều mức lãi suất tham chiếu đã công bố, dữ liệu đầu vào cho các mức lãi suất đó (nếu được công khai) hoặc xác định xem một chỉ số tham chiếu cụ thể có phản ánh đúng giá trị thị trường hay không.
- 3.5.3 Thắc mắc về vận hành không được coi là khiếu nại theo định nghĩa, đồng thời bao gồm cả các khiếu nại về giá tham chiếu. Tuy nhiên, FTSE Russell có thể coi một hoặc nhiều thắc mắc về vận hành là một khiếu nại chính thức.
- 3.5.4 Thắc mắc về vận hành nên được gửi cho FTSE Russell qua email và kèm theo nhiều thông tin nhất có thể, bao gồm tên họ, chức vụ, tổ chức mà bạn đại diện, địa chỉ email và số điện thoại để giúp việc xử lý thắc mắc về vận hành diễn ra kịp thời.
- 3.5.5 Bạn có thể gửi mọi khiếu nại về giá liên quan đến chỉ số tham chiếu và thắc mắc về vận hành đến địa chỉ email: asiaenmarkoperations@lseg.com

Phần 4

Dữ liệu đầu vào

4. Dữ liệu đầu vào

4.1 Dữ liệu đầu vào cấp 1

- 4.1.1 Dữ liệu đầu vào cho Cấp 1 theo phương pháp thác nước bao gồm các giao dịch tiền gửi VND có bảo đảm (tức là có tài sản thế chấp), không có bảo đảm (tức là không có tài sản thế chấp) và không phân loại (tức là giao dịch không nêu rõ có tài sản thế chấp hay không), lấy từ LSEG Conversational Dealing và mọi nền tảng kế nhiệm (bao gồm cả LSEG Advanced Dealing). Các đơn vị giao dịch mới tham gia LSEG Conversational Dealing (hoặc bất cứ nền tảng kế nhiệm nào khác) sẽ được xem xét và giao dịch của họ sẽ được đưa vào dữ liệu đầu vào nếu được xác định là phù hợp.
- 4.1.2 Nếu cả hai bên giao dịch đều được ghi nhận và thông tin giao dịch trùng khớp, thì sẽ chỉ sử dụng một bên để tính Chỉ số tham chiếu. Nếu cả hai bên giao dịch đều được ghi nhận và thông tin giao dịch không trùng khớp, thì giao dịch đó sẽ bị loại khỏi quá trình tính Chỉ số tham chiếu. Để đủ điều kiện thêm vào quá trình tính toán Cấp 1, giao dịch phải được xác nhận (dựa trên thời gian xác nhận trên LSEG Conversational Dealing) trong khoảng thời gian từ 09:00 VNT đến 15:00 VNT và phải được gửi cho FTSE trước khi thực hiện tính Chỉ số tham chiếu. Ngoài ra, ngày thanh toán của các giao dịch đủ điều kiện phải là (i) ngày giao dịch, (ii) ngày giao dịch cộng một ngày làm việc (iii) ngày giao dịch cộng hai ngày làm việc.
- 4.1.3 Các giao dịch trong cùng một ngày với cùng một đối tác, cùng ngày thanh toán, cùng ngày đáo hạn, với cùng mức lãi suất và cùng chiều chuyển tiền sẽ được gộp lại thành một giao dịch duy nhất, với khối lượng bằng tổng khối lượng các giao dịch thành phần (Giao dịch gộp).
- 4.1.4 Khối lượng tối thiểu cho mỗi giao dịch hoặc tổng khối lượng tối thiểu của các giao dịch thành phần, nếu gộp nhiều giao dịch, phải đạt 50 tỷ VND.
- 4.1.5 Thị trường tiền gửi VND được đánh giá là sôi động và có tính thanh khoản cao. LSEG Conversational Dealing được lựa chọn làm nguồn dữ liệu đầu vào vì có sự tham gia của nhiều đơn vị giao dịch tiêu biểu cho thị trường tiền gửi VND. Do đó, dữ liệu đầu vào cấp 1 được xem là đủ để phản ánh thị trường tiền gửi VND một cách chính xác và đáng tin cậy, đồng thời đảm bảo các mức lãi suất được tính theo Phương pháp tính cấp 1 là chính xác, miễn đáp ứng ngưỡng Cấp 1 (xem mục 5.2.3).

4.2 Dữ liệu đầu vào cấp 2

- 4.2.1 Dữ liệu đầu vào để tính Cấp 2 theo phương pháp thác nước bao gồm các báo giá chào mua – chào bán tiền gửi VND được công bố qua các sản phẩm D&A của LSEG vào ngày xác định chỉ số tham chiếu, cũng như do các ngân hàng đang hoạt động trên thị trường tiền gửi VND mà FTSE lựa chọn cung cấp.
- 4.2.2 Thị trường tiền gửi VND được đánh giá là sôi động và có tính thanh khoản cao. Báo giá chào mua – chào bán tiền gửi VND được lựa chọn làm nguồn dữ liệu đầu vào vì có sự tham gia của nhiều đơn vị giao dịch tiêu biểu cho thị trường tiền gửi VND. Do đó, dữ liệu đầu vào cấp 2 được xem là đủ để phản ánh thị trường

tiền gửi VND một cách chính xác và đáng tin cậy, đồng thời đảm bảo các mức lãi suất được tính theo Phương pháp tính cấp 2 là chính xác, miễn đáp ứng ngưỡng Cấp 2 (xem mục 5.3.4).

4.3 Dữ liệu đầu vào cho chỉ số gộp và bình quân lũy kế

- 4.3.1 Dữ liệu đầu vào để tính Chỉ số gộp và Bình quân lũy kế bao gồm giá trị hiện tại và giá trị cũ của kỳ hạn O/N thuộc chỉ số tham chiếu VND VNIBOR. Kỳ hạn O/N thuộc chỉ số tham chiếu VND VNIBOR được xem là phản ánh đúng mức lãi suất tiền gửi trên thị trường tiền gửi VND qua đêm sôi động và có tính thanh khoản cao.

Phần 5

Xác định chỉ số tham chiếu

5. Xác định chỉ số tham chiếu

5.1 Phương pháp thác nước

- 5.1.1 Các giao dịch tiền gửi đã xác nhận sẽ được phân loại theo từng kỳ hạn cụ thể. Các giao dịch O/N, S/W và 2 tuần được xác định có ngày đáo hạn lần lượt là 1, 5 và 10 ngày làm việc sau ngày thanh toán. Với các giao dịch 1 tháng và 3 tháng, ngày đáo hạn được tính bằng ngày thanh toán cộng thêm số tháng tương ứng, áp dụng theo quy ước đã sửa đổi như sau: (i) nếu ngày thanh toán rơi vào ngày dương lịch cuối cùng của tháng, thì ngày đáo hạn là Ngày làm việc cuối cùng của tháng tương ứng sau đó (ii) nếu ngày thanh toán cộng với số tháng tương ứng không rơi vào ngày làm việc, thì ngày đáo hạn sẽ được đẩy sang Ngày làm việc đầu tiên kế tiếp, trừ khi ngày đó rơi sang tháng mới, thì sẽ được lùi về Ngày làm việc liền trước. Trong mọi trường hợp, hệ thống sẽ áp dụng một khoảng thời gian linh hoạt (tức là cộng hoặc trừ một số Ngày làm việc nhất định) để tính toán ngày đáo hạn, nhằm mục đích gom các giao dịch có ngày đáo hạn gần nhau vào cùng một kỳ hạn. Những giao dịch nằm ngoài khoảng thời gian này sẽ không được gán cho một kỳ hạn và không được sử dụng.
- 5.1.2 Mỗi kỳ hạn của chỉ số tham chiếu VND VNIBOR có tính dự báo đều được tính toán theo Cấp 1 của Phương pháp tính, miễn là đáp ứng ngưỡng quy định. Nếu không đáp ứng được ngưỡng này, kỳ hạn đó sẽ được tính theo Cấp 2 của Phương pháp tính, miễn là đáp ứng ngưỡng quy định. Nếu một kỳ hạn VND VNIBOR không đáp ứng ngưỡng công bố theo Cấp 1 hoặc Cấp 2, thì chỉ số của ngày liền trước cho kỳ hạn đó sẽ được công bố lại kèm theo cờ báo hiệu rằng đó là dữ liệu tái công bố.
- 5.1.3 Phương pháp thác nước được áp dụng riêng cho từng kỳ hạn của Chỉ số tham chiếu. Do đó, có thể xác định các kỳ hạn khác nhau bằng các cấp độ phương pháp thác nước khác nhau trong cùng một ngày.
- 5.1.4 Chỉ số gộp và Bình quân lũy kế trả sau được tính dựa trên lợi nhuận gộp của kỳ hạn O/N thuộc chỉ số tham chiếu VND VNIBOR.

5.2 Xác định cấp 1

- 5.2.1 Vào mỗi ngày làm việc, các giao dịch tiền gửi VND đủ điều kiện như quy định tại mục 3.1 và được xác nhận trong cùng ngày sẽ được thu thập để tính toán Chỉ số tham chiếu cho từng kỳ hạn.
- 5.2.2 Nếu số lượng giao dịch đủ điều kiện (Giao dịch gộp được coi là một giao dịch duy nhất) ít hơn mức cố định cho bất cứ kỳ hạn nào, thì sẽ thu thập thêm các giao dịch đủ điều kiện từ ngày làm việc trước đó. Nếu việc thu thập dữ liệu trong khoảng thời gian hai ngày làm việc vẫn không đạt đủ số lượng giao dịch đủ điều kiện, thì khoảng thời gian thu thập sẽ kéo dài thành ba ngày làm việc (tức là ngày xác định Chỉ số tham chiếu và hai Ngày làm việc liền trước).
- 5.2.3 Nếu sau khi kéo dài thời gian thu thập lên ba ngày làm việc mà vẫn không đạt đủ số lượng giao dịch đủ điều kiện cho một kỳ hạn, thì ngưỡng Cấp 1 cho kỳ hạn đó không được đáp ứng.

5.2.4 Nếu số lượng giao dịch đủ điều kiện đạt đủ hoặc vượt mức cố định cho một kỳ hạn, thì giá trị xác định cho kỳ hạn đó sẽ là trung vị của các mức lãi suất trong số giao dịch đủ điều kiện.

5.3 Xác định cấp 2

5.3.1 Nếu không đạt đủ ngưỡng dữ liệu để sử dụng phương pháp thác nước Cấp 1 cho một kỳ hạn, thì kỳ hạn của Chỉ số tham chiếu sẽ được xác định theo Cấp 2 của phương pháp thác nước.

5.3.2 Vào mỗi Ngày làm việc và đối với từng kỳ hạn, các báo giá chào mua – chào bán tiền gửi VND mới nhất từ mỗi ngân hàng sẽ được lấy mẫu 30 phút một lần, trong khoảng thời gian từ 09:00 VNT đến 15:00 VNT. Nếu ngân hàng đó công bố cả giá mua và giá bán, thì sẽ tính mức trung bình của hai giá này. Để đủ điều kiện, mỗi báo giá chào mua – chào bán được lấy mẫu phải có mức chênh lệch mua – bán không vượt quá mức tối đa cho phép.

5.3.3 Việc xác định Cấp 2 cho từng kỳ hạn sẽ dựa trên trung vị của tất cả các mức giá trung bình đủ điều kiện do các ngân hàng cung cấp.

5.3.4 Để đạt ngưỡng yêu cầu cho Cấp 2 đối với mỗi kỳ hạn, các báo giá được lấy mẫu phải đến từ một số lượng tối thiểu các đơn vị giao dịch khác nhau, mỗi đơn vị giao dịch phải cung cấp đủ số lượng tối thiểu các mức giá trung bình hợp lệ theo quy trình lấy mẫu.

5.4 Chỉ số gộp

5.4.1 Chỉ số gộp trả sau có giá trị ban đầu là 100 vào ngày 3 tháng 1 năm 2023. Chỉ số này được công bố vào mỗi ngày làm việc với độ chính xác đến 8 chữ số thập phân.

5.4.2 Vào mỗi ngày làm việc T , Chỉ số gộp $Idx[T]$ sẽ được tính dựa trên Chỉ số gộp của ngày làm việc trước đó $T - 1$ và lãi suất O/N tham chiếu VND VNIBOR vào ngày $T - 1$, ký hiệu là $R[T - 1]$ theo công thức sau. Số ngày dương lịch từ $T - 1$ đến T được ký hiệu là $d(T - 1, T)$.

$$IDX[T] = IDX[T - 1] \times \left(1 + \frac{d(T - 1, T) \times R(T - 1)}{365} \right)$$

5.5 Bình quân lũy kế

5.5.1 Vào mỗi ngày làm việc T , ngày bắt đầu T_0 của từng kỳ hạn trong Bình quân lũy kế trả sau được xác định bằng cách trừ đi số tháng dương lịch tương ứng với kỳ hạn n từ ngày T .

5.5.2 Nếu ngày bắt đầu được xác định theo bước 3.5.1 không tồn tại (ví dụ: ngày 31 tháng 3 năm 2025 – 1 tháng = ngày 31 tháng 2 năm 2025), thì ngày bắt đầu sẽ là ngày dương lịch cuối cùng của tháng cách T đúng n tháng dương lịch (ví dụ: nếu ngày 31 tháng 3 năm 2025 – 1 tháng = ngày 31 tháng 2 năm 2025, thì chọn ngày 28 tháng 2 năm 2025).

5.5.3 Sau khi thực hiện các bước 3.5.1 và 3.5.2, nếu ngày bắt đầu không rơi vào Ngày làm việc, thì ngày này sẽ được đẩy lùi về Ngày làm việc đầu tiên liền trước.

5.5.4 Sau khi xác định được ngày bắt đầu T_0 , thì Bình quân lũy kế theo từng kỳ hạn vào ngày T , ký hiệu là $Avg[n, T]$, sẽ được tính dựa trên Chỉ số gộp theo công thức sau. Số ngày dương lịch từ T_0 đến T được ký hiệu là $d(T_0, T)$.

$$Avg[n, T] = 100 \times \left(\frac{IDX[T]}{IDX[T_0]} - 1 \right) \times \frac{365}{d(T_0, T)}$$

5.5.5 Bình quân lũy kế được công bố vào mỗi ngày làm việc với độ chính xác đến 5 chữ số thập phân.

5.6 Sử dụng phán đoán chuyên môn

5.6.1 Tổ chức quản lý, FTSE International Limited, chỉ được sử dụng phán đoán chuyên môn trong quá trình xác định Chỉ số tham chiếu để tạm hoãn công bố chỉ số khi nghi ngờ có sai sót hoặc chờ thêm dữ liệu đầu vào, tiếp tục công bố ngay hoặc trì hoãn sang cấp tiếp theo trong phương pháp thác nước.

Phần 6

Công bố

6. Công bố

6.1 Công bố

6.1.1 Chỉ số tham chiếu được công bố vào khoảng 15:30 VNT vào tất cả các Ngày làm việc.

6.1.2 Các kỳ hạn dự báo của Chỉ số tham chiếu sẽ được đăng tải lên trang VNIBOR= và các mã RIC sau:

- O/N: <VNIVNDOND=>
- S/W: <VNIVNDSWD=>
- 2 tuần <VNIVND2WD=>
- 1 tháng: <VNIVND1MD=>
- 3 tháng: <VNIVND3MD=>

6.1.3 Chỉ số gộp trả sau được công bố trên mã RIC <.VNIVNDTRI>

6.1.4 Bình quân lũy kế trả sau được công bố trên các mã RIC sau:

- 1 tháng: <VNIVND1MAVG=>
- 2 tháng: <VNIVND2MAVG =>
- 3 tháng: <VNIVND3MAVG=>
- 6 tháng: <VNIVND6MAVG=>
- 9 tháng: <VNIVND9MAVG =>
- 12 tháng: <VNIVND1YAVG =>

6.1.5 Có thể xem Chỉ số tham chiếu qua các sản phẩm D&A của LSEG, bao gồm Elektron, DataScope và Workspace, cũng như qua các nhà phân phối lại được ủy quyền.

6.2 Chậm công bố

6.2.1 Việc công bố Chỉ số tham chiếu có thể bị hoãn lại nếu gặp sự cố kỹ thuật làm gián đoạn quá trình nhận dữ liệu đầu vào hoặc có lý do nghi ngờ rằng dữ liệu đầu vào hay kết quả xác định Chỉ số tham chiếu có thể chứa lỗi. Trong trường hợp đó, tổ chức sẽ nỗ lực hết sức để công bố Chỉ số tham chiếu trong thời gian sớm nhất.

Phần 7

Thông tin khác

7. Thông tin khác

7.1 Thông tin khác

- 7.1.1 Để biết thêm thông tin về Chỉ số tham chiếu VND VNIBOR, vui lòng liên hệ với FTSE Russell qua địa chỉ index_queries@lseg.com và ghi rõ tiêu đề email là “VND VNIBOR”.

Phần 8

Định nghĩa các thuật ngữ chính

Bảng dưới đây sẽ diễn giải các thuật ngữ viết hoa chưa được giải nghĩa trong tài liệu này.

Thuật ngữ chính	Định nghĩa
Tổ chức quản lý	Tổ chức quản lý trong tài liệu này được hiểu theo nghĩa như đã diễn giải trong Quy định về chỉ số tham chiếu
Chỉ số tham chiếu	Chỉ số tham chiếu VND VNIBOR
Quy định về chỉ số tham chiếu	Quy định (EU) 2016/1011 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng ngày 8 tháng 6 năm 2016 về các chỉ số dùng để tham chiếu trong các công cụ tài chính và hợp đồng tài chính hoặc để đo lường hiệu quả hoạt động của các quỹ đầu tư (Quy định về chỉ số tham chiếu của châu Âu) và Quy định về chỉ số tham chiếu (Điều khoản sửa đổi và chuyển tiếp) (Rời khỏi EU) năm 2019 (Quy định về chỉ số tham chiếu của Vương quốc Anh)
Ngày làm việc	Ngày mà ngân hàng Việt Nam mở cửa hoạt động
Phương pháp tính	Quy tắc và quy trình bằng văn bản dùng để thu thập dữ liệu đầu vào và xác định Chỉ số tham chiếu

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

© 2025 Tập đoàn Giao dịch Chứng khoán London và các công ty thành viên liên quan ("LSEG"). LSEG bao gồm (1) FTSE International Limited ("FTSE"), (2) Frank Russell Company ("Russell"), (3) FTSE Global Debt Capital Markets Inc. và FTSE Global Debt Capital Markets Limited (gọi chung là "FTSE Canada"), (4) FTSE Fixed Income Europe Limited ("FTSE FI Europe"), (5) FTSE Fixed Income LLC ("FTSE FI"), (6) FTSE (Beijing) Consulting Limited ("WOFE") (7) Refinitiv Benchmark Services (UK) Limited ("RBSL"), (8) Refinitiv Limited ("RL") và (9) Beyond Ratings S.A.S. ("BR"). Bảo lưu mọi quyền.

FTSE Russell® là tên giao dịch của FTSE, Russell, FTSE Canada, FTSE FI, FTSE FI Europe, WOFE, RBSL, RL và BR. "FTSE®", "Russell®", "FTSE Russell®", "FTSE4Good®", "ICB®", "Refinitiv", "Beyond Ratings®", "WMR™", "FR™" và tất cả các thương hiệu và nhãn hiệu dịch vụ khác được sử dụng trong tài liệu này (dù đã đăng ký hay chưa) đều là thương hiệu và/hoặc nhãn hiệu dịch vụ thuộc sở hữu hoặc được cấp phép sử dụng bởi thành viên liên quan của LSEG hoặc các bên cấp phép tương ứng, và được FTSE, Russell, FTSE Canada, FTSE FI, FTSE FI Europe, WOFE, RBSL, RL hoặc BR sở hữu hoặc sử dụng theo giấy phép. FTSE International Limited được Cơ quan Quản lý Tài chính ủy quyền và quản lý với tư cách là đơn vị quản lý chỉ số tham chiếu. Refinitiv Benchmark Services (UK) Limited được Cơ quan Quản lý Tài chính ủy quyền và quản lý với tư cách là đơn vị quản lý chỉ số tham chiếu.

Tất cả thông tin được cung cấp chỉ nhằm mục đích tham khảo. Mọi thông tin và dữ liệu có trong ấn phẩm này đều được LSEG lấy từ các nguồn mà LSEG cho là chính xác và đáng tin cậy. Tuy nhiên, do khả năng xảy ra sai sót từ con người hoặc máy móc và các yếu tố khác, thông tin và dữ liệu này được cung cấp "nguyên trạng" mà không có bất kỳ đảm bảo nào. Không thành viên nào của LSEG cũng như giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc bên cấp phép của LSEG đưa ra bất kỳ tuyên bố, cam kết, bảo đảm hay khẳng định nào, dù rõ ràng hay ngụ ý, về tính chính xác, kịp thời, đầy đủ, khả năng thương mại hóa của bất kỳ thông tin hoặc sản phẩm nào của LSEG, cũng như kết quả thu được từ việc sử dụng các sản phẩm của LSEG, bao gồm nhưng không giới hạn ở các chỉ số, lãi suất, dữ liệu và phân tích hoặc mức độ phù hợp của các sản phẩm LSEG cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Người sử dụng thông tin này tự chịu toàn bộ rủi ro liên quan đến việc sử dụng hoặc cho phép sử dụng thông tin đó.

Không thành viên nào của LSEG cũng như giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc bên cấp phép của LSEG chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý hay nghĩa vụ nào đối với (a) bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào, toàn bộ hoặc một phần, phát sinh từ hoặc liên quan đến sự không chính xác (dù do sơ suất hay không) hoặc các trường hợp khác liên quan đến việc mua, thu thập, tổng hợp, diễn giải, phân tích, chỉnh sửa, sao chép, truyền tải, truyền đạt hoặc cung cấp thông tin hay dữ liệu này, hoặc từ việc sử dụng tài liệu này hoặc các liên kết đến tài liệu này; hoặc (b) bất kỳ thiệt hại trực tiếp, gián tiếp, đặc biệt, mang tính hệ quả hoặc ngẫu nhiên nào, kể cả khi bất kỳ thành viên nào của LSEG đã được thông báo trước về khả năng xảy ra những thiệt hại đó, phát sinh từ việc sử dụng hoặc không thể sử dụng thông tin nói trên.

Không thành viên nào của LSEG cũng như giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hay bên cấp phép của LSEG cung cấp tư vấn đầu tư, đồng thời không có nội dung nào trong tài liệu này được coi là tư vấn tài chính hay đầu tư. Không thành viên nào của LSEG cũng như giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hay bên cấp phép của LSEG đưa ra bất kỳ tuyên bố nào về tính khả thi của việc đầu tư vào bất kỳ tài sản nào, hoặc liệu việc đầu tư đó có dẫn đến rủi ro pháp lý hoặc tuân thủ nào đối với nhà đầu tư hay không. Không nên đưa ra quyết định đầu tư vào bất cứ tài sản nào như vậy dựa trên những thông tin trong tài liệu này. Không thể đầu tư trực tiếp vào các chỉ số và lãi suất. Việc đưa một tài sản được vào chỉ số hoặc lãi suất không phải là khuyến nghị mua, bán hoặc nắm giữ tài sản đó, cũng không phải là sự xác nhận rằng bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào cũng có thể mua, bán hoặc nắm giữ tài sản đó hoặc chỉ số hay lãi suất có chứa tài sản đó một cách hợp pháp. Không nên hành động theo thông tin chung có trong ấn phẩm này mà không có sự tư vấn cụ thể về pháp lý, thuế hoặc đầu tư từ chuyên gia được cấp phép.

Hiệu suất trong quá khứ không đảm bảo cho kết quả trong tương lai. Biểu đồ và đồ thị chỉ nhằm mục đích minh họa. Lợi nhuận của chỉ số và/hoặc lãi suất được trình bày có thể không phản ánh kết quả giao dịch thực tế của các tài sản có thể đầu tư. Một số lợi nhuận được trình bày có thể phản ánh hiệu suất giả định được kiểm nghiệm lại. Tất cả hiệu suất được trình bày trước ngày công bố chính thức của chỉ số hoặc lãi suất là hiệu suất kiểm nghiệm lại. Hiệu suất kiểm nghiệm lại không phải hiệu suất thực tế mà chỉ mang tính giả định. Các phép tính kiểm nghiệm lại được thực hiện dựa trên phương pháp luận áp dụng tại thời điểm chỉ số hoặc lãi suất được ra mắt chính thức. Tuy nhiên, dữ liệu kiểm nghiệm lại có thể phản ánh việc áp dụng phương pháp tính chỉ số hoặc lãi suất với lợi thế nhìn lại quá khứ. Ngoài ra, các kết quả từ phép tính chỉ số hoặc lãi suất trong quá khứ có thể thay đổi theo từng tháng do sự điều chỉnh đối với dữ liệu kinh tế cơ sở được sử dụng trong quá trình tính toán.

Tài liệu này có thể chứa các đánh giá mang tính dự báo tương lai. Những đánh giá này được xây dựng dựa trên một số giả định về điều kiện trong tương lai, vốn có thể không chính xác. Các đánh giá dự báo tương lai này chịu ảnh hưởng bởi nhiều rủi ro và yếu tố bất định, cũng như có thể bị tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau dẫn đến kết quả thực tế khác biệt đáng kể. Không thành viên nào của LSEG hoặc các bên cấp phép của LSEG có nghĩa vụ hoặc cam kết cập nhật các đánh giá dự báo tương lai này.

Không được sao chép, lưu trữ trong hệ thống truy xuất hay truyền tải bất cứ phần nào của thông tin này dưới bất kỳ hình thức nào, điện tử, cơ học, sao chụp, ghi âm hoặc hình thức khác, mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của thành viên LSEG liên quan. Phải có giấy phép từ LSEG và/hoặc các bên cấp phép của LSEG để sử dụng và phân phối dữ liệu của LSEG.

Giới thiệu về FTSE Russell

FTSE Russell là nhà cung cấp chỉ số tham chiếu, giải pháp phân tích và dữ liệu hàng đầu toàn cầu, mang đến cái nhìn chính xác về thị trường liên quan đến mọi quy trình đầu tư. Trong hơn 30 năm, các chủ sở hữu tài sản, công ty quản lý tài sản, nhà phát hành ETF và các ngân hàng đầu tư đều lựa chọn chỉ số của FTSE Russell để làm chuẩn tham chiếu hiệu quả đầu tư và xây dựng các quỹ đầu tư, ETF, sản phẩm cấu trúc cũng như các sản phẩm phái sinh dựa trên chỉ số. Chỉ số của FTSE Russell còn cung cấp cho khách hàng các công cụ để đánh giá hiệu suất, phân bổ tài sản, phân tích chiến lược đầu tư và quản lý rủi ro.

Để tìm hiểu thêm, hãy truy cập lseg.com/en/ftse-russell; gửi email đến info@ftserussell.com; hoặc gọi đến văn phòng của Bộ phận Chăm sóc Khách hàng tại khu vực của quý vị:

EMEA +44 (0) 20 7866 1810

Bắc Mỹ +1 877 503 6437

Châu Á – Thái Bình Dương

Hồng Kông +852 2164 3333

Tokyo +81 3 6441 1430

Sydney +61 (0)2 7228 5659



**FTSE
RUSSELL**
An LSEG Business